

**MỤC TIÊU CỤ THỂ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ PHƯỜNG NÔNG TIẾN**
(Kèm theo Kế hoạch số 06-KH/ĐU, ngày 12/9/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Nông Tiến)



TT	Chỉ tiêu	Phấn đấu theo từng giai đoạn					Ghi chú
		2025	2030	2035	2040	2045	
I	Phát triển hạ tầng						
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	≥ 20%	99%				
2	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn			50%	80%	100%	
3	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	≥ 60%	100%				
4	Tỷ lệ phủ sóng viễn thông tại các tổ dân phố trên địa bàn phường	99%	100%				
5	Tỷ lệ tổ dân phố có điện lưới quốc gia trên địa bàn phường		100%				
II	Phát triển nguồn lực						
6	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	≥ 1%	≥ 1,5%	≥ 2%	≥ 2,5%	≥ 3%	
7	Tỷ lệ chi tối thiểu cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong GRDP (hàng năm)	2%	≥ 2-3%	≥ 2-3%	≥ 3%	≥ 3%	
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	100%	100%				
9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	100%	100%				
10	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	70%	75%	80%	85%	90%	
11	Số lượng người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân	≥ 1	≥ 2	≥ 4	≥ 5	≥ 7	

TT	Chỉ tiêu	Phần đầu theo từng giai đoạn					Ghi chú
		2025	2030	2035	2040	2045	
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)				70%	≥ 80%	
III	Phát triển khoa học, công nghệ						
13	Số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn phường		≥ 5	≥ 10	≥ 15	≥ 20	
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo						
14	Tỷ lệ sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù được bảo hộ, kiểm soát nguồn gốc, tỷ lệ sản phẩm OCOP được đăng ký nhãn hiệu	≥ 50%	≥ 50%	≥ 55%	≥ 58%	≥ 60%	
V	Phát triển chuyển đổi số						
15	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính các cấp chính quyền	≥ 70%	≥ 100%				
16	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến	≥ 100%	≥ 100%				
17	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện "phi tiếp xúc"	≥ 70%	≥ 100%				
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa	≥ 70%	≥ 100%				
19	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	≥ 80%	≥ 100%	≥ 100%			
20	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	≥ 70%	≥ 85%	≥ 95%	≥ 100%		
21	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	≥ 100%	≥ 100%				

TT	Chỉ tiêu	Phần đầu theo từng giai đoạn					Ghi chú
		2025	2030	2035	2040	2045	
22	Tỷ lệ người dân có chữ ký số		≥ 10%	≥ 20%	≥ 30%	≥ 40%	
23	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt		≥ 70%	≥ 80%	90%		
24	Tỷ lệ Đảng ủy, chính quyền phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	≥ 100%	100%				